

Bản án số: 48/2022/HC-ST

Ngày: 25-4-2022

Khiếu kiện quyết định hành chính

Về việc giải quyết khiếu nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trương Hiền
2. Ông Nguyễn Hải Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/HC-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HC ngày 10/02/2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1954. (có mặt)

Địa chỉ: Số 7, khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Khu phố Chòm Sao, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Xuân N, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 80, ấp Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Minh T, sinh năm 1976 (con bà Q)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Bà Hà Thị Thu Trang, sinh năm 1963 (con bà Q)

Địa chỉ: Số 7, khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Tr: Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1954. (có mặt)

Địa chỉ: Số 7, khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện bà Lê Thị Kim Q trình bày:

Chồng bà tên là Hà Minh C (đã chết năm 2015), vợ chồng bà có diện tích đất 1.200m² (ngang 20m, dài 60m tính từ kênh M đến mương phèn) tại ấp M, xã N (nay là ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Vào năm 1993, vợ chồng bà cho ấp M, xã N mượn diện tích đất nói trên để làm trụ sở, khi cho mượn đất có làm giấy đề ngày 15/11/1993 và khi giao đất cho ấp có làm giấy nhận đất cất trụ sở do ban lãnh đạo ấp M là ông Đỗ Văn B ký xác nhận ngày 25/11/1993, còn người viết giấy nhận đất là ông Nguyễn Văn Đ. Việc vợ chồng bà cho ấp M mượn đất có rất nhiều người biết và người xác nhận tờ giấy nhận đất vẫn còn sống.

Năm 2007, vợ chồng bà có làm đơn xin lại 05m chiều ngang trong phạm vi 20m gia đình bà cho mượn để cất nhà ở nhưng UBND xã M trả lời là địa phương không còn quỹ đất nên không xem xét đơn của vợ chồng bà.

Năm 2015, vợ chồng bà tiếp tục làm đơn đến cơ quan chức năng để yêu cầu trả lại cho vợ chồng bà diện tích 1.200m² đã cho ấp M mượn. Ngày 05/10/2016, Chủ tịch UBND xã M ban hành Quyết định 81/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn đòi đất của vợ chồng bà với nội dung: thừa nhận đòi đất của bà Q là có cơ sở, đồng thời giải quyết trả lại cho bà 1.200m². Tuy nhiên, sau đó UBND xã M đã ban hành văn bản thu hồi lại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của Ủy ban nhân dân xã M với lý do giải quyết sai thẩm quyền.

Ngày 19/10/2020, Chủ tịch UBND huyện H ban hành quyết định số 4758/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đòi đất của bà, nội dung: Không thừa nhận đơn khiếu nại đòi đất của bà. Vì cho rằng năm 2015 gia đình bà mới làm đơn khiếu nại yêu cầu nhà nước xem xét trả lại diện tích đất trên là không có cơ sở xem xét. Nhà nước chỉ xem xét trả lại đất cho hộ gia đình, cá nhân thực hiện đến hết ngày

31/12/2010 theo quy định tại Điều 116 Luật đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 112 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ.

Bà không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện H. Vì ấp M không phải là cơ quan nhà nước mà Chủ tịch lại căn cứ vào Điều 112 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 để giải quyết không chấp nhận yêu cầu của bà là không đúng quy định pháp luật.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim Q.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện có văn bản đề ngày 28/01/2021 về việc nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Q:

Việc giải quyết của Chủ tịch UBND huyện đối với khiếu nại của bà Q là đúng quy định Luật đất đai, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hướng giữ nguyên quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức đối thoại người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch có ý kiến: Giải quyết cho bà Lê Thị Kim Q 02 héc ta đất nông nghiệp quỹ đất của huyện tại xã M. Nếu bà Q không chấp nhận thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định bác yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu hủy Quyết định 4758/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim Q. Nếu UBND huyện đồng ý giao cho bà 03 héc ta đất nông nghiệp trong quỹ đất của huyện tại xã M thì bà đồng ý và không khiếu nại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đối với người khởi kiện, người bị kiện đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án được Tòa án thụ lý ngày 04/01/2021, đến nay Thẩm phán mới đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy

định tại Điều 130 Luật tổ tụng hành chính.

- Về giải quyết vụ án: Việc bà Q khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H là có cơ sở. Vì đất gia đình bà Q cho ấp M mượn vào năm 1993 được Trưởng ấp M thừa nhận và có làm giấy nhận đất ngày 25/11/1993 để cất trữ sở ấp. Nhưng Chủ tịch UBND huyện H cho rằng đất bà Q cho ấp mượn, việc xem xét giải quyết trả lại đất cho hộ gia đình, cá nhân chỉ thực hiện đến hết ngày 31/12/2010 (theo quy định tại Điều 116 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 112 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ), vì vậy việc khiếu nại đòi đất của gia đình bà Q đã hết thời hạn để nhà nước giải quyết trả lại đất. Chủ tịch UBND huyện H áp dụng Điều 116 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 112 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ để giải quyết việc đòi đất của bà Q là không phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ theo Điều 4 Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015 thì ấp không phải là cơ quan, đơn vị, tổ chức của nhà nước, của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội. Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện H không trả lại đất cho gia đình bà Q là không phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim Q về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Người khởi kiện bà Lê Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định 4758/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết khiếu nại là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim Q. Ngày 15/12/2020, bà Q khởi kiện còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim Q là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục.

[4] Xét về nội dung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như sự xác nhận của người bị kiện, người khởi kiện, thể hiện: Vào năm 1993, vợ chồng bà Q có thỏa thuận cho ấp M, xã N mượn diện tích 1.200m² (ngang 20m, dài 60m tính từ kênh M đến mương phèn) nay diện tích còn lại 1.057m² (do trừ diện tích làm lộ M) để ấp M cất trụ sở làm việc, việc mượn đất trên được trưởng ấp M làm giấy nhận đất ngày 25/11/1993, thời gian này ông Hà Minh C (chồng bà Q) công tác tại ấp M, giữ chức vụ trưởng Công an ấp. Về nguồn gốc đất, diện tích 1.057m² nói trên là của gia đình bà Q nhận chuyển nhượng của ông Thuận vào năm 1990, diện tích khoảng 06ha (vị trí từ kênh M đến kênh 600), việc chuyển nhượng không giấy tờ. Sau khi nhận đất, gia đình bà Q sử dụng phần đất từ mương phèn trở vào kênh 600 để trồng lúa, phần mặt tiền kênh M trở vào đến mương phèn diện tích 6.000m² (ngang 100m, dài 60m, trong đó có diện tích 1.057m² trên) thì gia đình bà Q có cất một căn nhà nhỏ bằng cây lá, còn lại là đất trống. Năm 1993, gia đình bà Q thỏa thuận cho ấp M, xã N mượn diện tích 1.200m² (nay thực tế 1.057m²) để cất trụ sở làm việc.

Ngày 16/10/1993, bà Q làm giấy tay chuyển nhượng phần đất ruộng cho hộ ông Cao Văn Gồm diện tích 30.720m² và đến ngày 26/4/1994 bà Q tiếp tục chuyển nhượng phần đất ruộng còn lại 30.720m² cho ông Huỳnh Hữu Lang sử dụng. Năm 2004 ông Gồm và ông Lang được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vị trí từ mương phèn đến kênh 600, mỗi hộ 30.000m²). Theo bà Q phần đất mặt tiền cặp kênh M 80m ngang, dài đến mương phèn gia đình bà thỏa thuận cho ông Gồm để làm sân phơi lúa. Tuy nhiên, thực tế thì phần đất này ông Gồm và ông Lang mỗi người sử dụng một nửa; đến năm 2004, ông Lang chia phần đất trên cho các thành viên trong gia đình (tổng cộng 49m, trong đó có phần đất 20m ngang mà bà Q cho ấp M mượn và đang khiếu nại).

Năm 2005, sau khi chia tách xã M từ xã N. Trụ sở ấp M cũ được trưng dụng làm trụ sở ấp Thái Tiến, xã M. Cùng thời gian này do trụ sở ấp Thái Tiến bị hư hỏng nên xây dựng lại thì ông Nguyễn Văn Dũng đứng ra ngăn cản, ông Dũng cho rằng phần đất cất trụ sở ấp là của ông Lang cho ấp M mượn từ đó xảy ra tranh chấp. Việc tranh chấp trên, được UBND xã M thụ lý và đến ngày 24/9/2004 ban hành Thông báo số 19/TB-HĐTV giải quyết với nội dung: “Đề nghị ông Lang trả lại đất cho trụ sở ấp Thái Tiến ngang 10m dài đến ruộng phèn, phần còn lại 10m (về phía An Giang) giao cho ông Lang để ở”.

Năm 2007, gia đình bà Q làm đơn yêu cầu UBND xã M xin lại chiều ngang 5m đất trong phạm vi 20m mà gia đình bà cho ấp M mượn. Ngày 13/8/2008, UBND xã M ban hành thông báo số 30/TB-UBND trả lời với nội dung: “Địa phương không còn quỹ đất nên đơn của bà Q không được xem xét”.

Năm 2015, gia đình bà Q làm đơn khiếu nại gửi đến cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết trả lại diện tích 1.200m² và cung cấp giấy nhận đất cất trụ sở ấp M ghi ngày 25/11/1993.

Ngày 05/10/2016, Chủ tịch UBND xã M ban hành Quyết định số 81/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn đòi đất của bà Q với nội dung: “Thừa nhận đơn đòi đất của bà Q là có cơ sở; đồng thời giải quyết trả lại diện tích 1.200m² cho bà Q quản lý, sử dụng”. Quyết định trên được triển khai nhưng ông Dũng không chấp hành giao đất, từ đó, gia đình bà Q tiến hành cắm trụ đá, sử dụng lưới b40 làm hàng rào không cho gia đình ông Dũng cũng như các đồng đạo phật giáo Hòa Hảo xã M vào sinh hoạt. Qua đối chiếu chính sách pháp luật xác định việc giải quyết của UBND xã M giải quyết sai thẩm quyền nên Chủ tịch UBND xã M đã ban hành văn bản thu hồi Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của Chủ tịch UBND xã M chuyển hồ sơ cho UBND huyện H giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 19/10/2020, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 4758/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim Q, nội dung không thừa nhận khiếu nại đòi đất diện tích 1.057m² của bà Lê Thị Kim Q.

[5] Xét thấy, tại quyết định giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND huyện cho rằng nhà nước chỉ xem xét đòi lại đất cho hộ gia đình, cá nhân thực hiện đến hết ngày 31/12/2010 (theo điều 116 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 112 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/4/2004 của Chính Phủ là chưa phù hợp. Bởi vì, theo Điều 4

Luật chính quyền địa phương năm 2015 thì áp không phải là cơ quan, đơn vị, tổ chức của nhà nước, của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội. Do đó, Chủ tịch UBND huyện H giải quyết không thừa nhận đòi lại đất bà Q cho áp M mượn là không phù hợp với pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim Q.

[7] Án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của bà Q được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải chịu án phí 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 4 Luật chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim Q
2. Hủy Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim Q.
3. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H giải quyết lại khiếu nại đòi đất của bà Lê Thị Kim Q theo đúng quy định pháp luật.
4. Án phí hành chính sơ thẩm:
Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Huyền